

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG SÔNG TRÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Tổng số đại biểu HĐND	94	93	91	84	84	
2	Đại biểu nữ	27	27	26	25	28	
	Tỷ lệ	28.72	29.03	28.57	29.76	33.33	
3	Đại biểu tái cử	65	65	64	62	55	
4	Đại biểu ngoài đảng	14	14	14	14	6	
	Tỷ lệ	14.89	15.03	15.38	16.66	7.14	
5	Đại biểu tôn giáo	14	14	14	14	7	
	Tỷ lệ	14.89	15.03	15.38	15.38	8.33	
6	Đại biểu có trình độ đại học và sau đại học	50	50	48	46	51	
	Tỷ lệ	53.19	53.76	52.74	54.76	60.71	
7	Đại biểu chuyên trách	5	5	5	5	3	
8	Số đại biểu cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu	0	0	2	7	1	
10	Số lượng thường trực HĐND	4	4	4	4	4	
11	Số lượng tổ đại biểu HĐND	23	23	23	23	8	
12	Số cuộc tập huấn cho Đại biểu HĐND	4	2	0	0	0	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**BIỂU TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
I	Tổng số kỳ họp	10	9	12	16	12	59
1	Tổ chức kỳ họp thường lệ	8	8	8	8	8	40
2	Tổ chức kỳ họp chuyên đề	2	1	4	8	4	19
II	Tổng số Nghị quyết đã ban hành	71	35	40	62	30	238
1	Nghị quyết về nhân sự	30	3	6	22	5	66
2	Nghị quyết về phát triển Kinh tế - Xã hội	11	11	12	12	4	50
3	Nghị quyết khác	30	21	22	28	21	122
II	Các hoạt động của HĐND						0
1	Số cuộc tiếp xúc cử tri	8	8	8	8	1	33
	Số lượng ý kiến cử tri gửi tới kỳ họp	114	239	192	151	36	732
	Tỷ lệ giải quyết	100	100	100	98	95	
2	Số lượng ý kiến chất vấn tại các kỳ họp	13	15	13	9		50
3	Số cuộc giám sát	8	13	12	12	3	48
4	Số buổi tiếp công dân	43	79	72	89	34	317
	Số đơn thư KN, TC.KN	63	94	43	36		236
	Tỷ lệ đã giải quyết	100	100	100	100		
5	Số lượng phiên họp thường trực HĐND	32	31	31	31	19	144

